

Số: 36/2021/QĐST-DS

B, ngày 23 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 238/2021/TLST- DS ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP BDLV.

Địa chỉ: Tòa nhà ThaiHolding, số 210 Trần Quang Khải, quận HK, thành phố HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm D S – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang T – Giám đốc Ngân hàng TMCP BDLV – Chi nhánh B.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thế M, chức vụ: Phó trưởng phòng hỗ trợ hoạt động Ngân hàng TMCP BDLV – Chi nhánh B.

Địa chỉ: Số 389, đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.

* *Bị đơn*: Anh Hà Ngọc S, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Minh Phượng, xã Nham S, huyện YD, tỉnh B.

Nơi làm việc hiện tại: UBND xã Lão Hộ, huyện YD, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Ngân hàng TMCP BDLV và anh Hà Ngọc S thống nhất thỏa thuận: Anh Hà Ngọc S có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP BDLV tổng số nợ gốc và lãi của cả 02 hợp đồng tín dụng số HĐTD 3002018028 ngày 10/01/2018 và Hợp đồng tín dụng số HĐTD 3002019121 ngày 08/03/2019 tạm tính đến ngày 14/12/2021 là: 127.385.283 đồng (trong đó: Tổng nợ gốc là: 95.531.608 đồng; Tổng nợ lãi là 31.853.675 đồng). Anh S trả theo phân kỳ cụ thể như sau:

+ Từ ngày 20/01/2022 đến ngày 20/03/2024 (Tổng cộng 9 kỳ trả): Vào ngày 20 tháng cuối của quý anh S trả 10.000.000 đồng tiền gốc cho Ngân hàng TMCP BDLV.

+ Ngày 20/06/2024: Anh Hà Ngọc S trả 5.531.608 đồng tiền gốc và toàn bộ tiền lãi tính đến ngày 14/12/2021 là 31.853.675 đồng và tiền lãi phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng số HĐTD 3002018028 và khế ước nhận nợ số: 3002018028/01 ngày 10/01/2018 và Hợp đồng tín dụng số HĐTD 3002019121 ngày 08/03/2019 từ ngày 15/12/2021 đến ngày trả hết nợ và tất toán toàn bộ 02 hợp đồng tín dụng nêu trên.

Kể từ ngày 15/12/2021, anh Hà Ngọc S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HĐTD 3002018028 ngày 10/01/2018 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTD 3002019121 ngày 08/03/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

Nếu trong quá trình trả nợ mà anh Hà Ngọc S vi phạm bất kỳ một kỳ thanh toán nào thì Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số nợ còn lại của 02 hợp đồng tín dụng số HĐTD 3002018028 và khế ước nhận nợ số 3002018028/01 ngày 10/01/2018 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTD 3002019121 ngày 08/03/2019.

2. 2. Về án phí:

- Anh Hà Ngọc S phải chịu 1.592.000đồng án phí dân sự sơ thẩm
- Ngân hàng TMCP BDLV phải chịu 1.592.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.050.000đồng theo biên lai số 0001154 ngày 29/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B. Hoàn trả Ngân hàng TMCP BDLV số tiền 1.458.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- CCTHADS TP. B;
- VKS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Lương Thị Thanh Quyên